

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2022/HS-ST

Ngày: 29-06-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Hồng Năm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Thành Chánh

2/ Ông Đinh Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29-6-2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Đồng Nai xét xử xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2022/HSST ngày 20-5-2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HS ngày 17-6-2022 đối với bị cáo:

T (Tên gọi khác: N), sinh năm: 2002; Nơi sinh: Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp G, xã G, thành phố A, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; con ông: Lê Nhật Tr, sinh năm: 1975; con bà Ninh Thị Bích L, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2022 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại: Bà Hồ Thị Anh Th, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp G, xã G, thành phố A, Đồng Nai.(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trình Văn B, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp T L, xã Nhân N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.(vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp G, xã G, thành phố A, Đồng Nai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T có quan hệ bạn bè với Hồ Thị Th, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2003, nơi cư trú: ấp T Phong, xã G, thành phố A, tỉnh Đồng Nai. Vào khoảng tháng 5 năm 2021, T mượn của Th 01 máy tính xách tay hiệu HP Pavilion -14 – 500GB và hẹn 07 ngày sau trả. Tuy nhiên, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T đã mang chiếc máy tính xách tay nêu trên đến tiệm cầm đồ Thừa Dư, thuộc xã Nhân Nghĩa, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai do ông Trình Văn B, sinh năm 1981, ngụ tại ấp T L, xã Nhân N, huyện C, tỉnh Đồng Nai làm chủ, để cầm với số tiền là 2.000.000đ (việc cầm cố không có hóa đơn chứng từ). Khi đến hạn trả lại máy tính, bà Th nhắn tin hỏi T thì T viện ra các lý do để nói dối bà Th, trên thực tế T biết máy tính xách tay của Th, ông B đã bán cho người khác nhưng T vẫn tiếp tục nói dối nhằm chiếm đoạt tài sản.

Qua làm việc với ông B xác định vào tháng 5 năm 2021, T mang máy tính xách tay đến bán cho ông B với số tiền 2.000.000đ, sau đó ông B đã bán cho 01 người không rõ nhân thân, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/HĐĐGTSTTHS ngày 13/1/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố A kết luận: Một máy tính xách tay hiệu HP Pavilion -14-500GB, đã qua sử dụng, không thu hồi được tài sản có giá trị là 6.250.000đ.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-HS ngày 13/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1, Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Về hình phạt: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b,i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo T từ: 8 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000đ, bị cáo T đã bồi thường, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Lợi dụng sự quen biết với bị hại, bị cáo T đã mượn máy tính của bị hại Th, khi có máy tính trong tay bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và mang máy tính đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Kết luận định giá tài sản số 04/HĐĐGTSTTHS ngày 13/1/2022 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố A kết luận: Một máy tính xách tay hiệu HP Pavilion -14-500GB, đã qua sử dụng, không thu hồi được tài sản có giá trị là 6.250.000đ. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015(sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo lắng, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo T có đủ khả năng nhận thức được hành vi mượn tài sản của người khác mang đi cầm và không trả lại tài sản cho họ mà nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Tài sản có giá trị là 6.250.000đ nên bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.(sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về việc khấu trừ thu nhập: Xét bị cáo T hiện đang làm thuê, thu nhập thấp nên miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Như đã nhận định trên bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo như Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đề nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Xử phạt: bị cáo T 01(Một) năm cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã G, thành phố A, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm,

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì quyền kháng cáo tính từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Sở tư pháp ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;
- VKSND tp. A;
- CA tp.A;
- Chi cục THA tp. A;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TIỀN MÒA
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phí Thị Hồng Năm

Phí Thị Hồng Năm

